**Phụ lục IV**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT   
HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ KHUYẾN NÔNG***(Kèm theo Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

**CHƯƠNG I. TƯ VẤN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN. LIÊN KẾT SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM. KHỞI NGHIỆP, LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ, HUY ĐỘNG VỐN, TUYỂN DỤNG VÀ ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG, XÚC TIẾN THỊ TRƯỜNG, XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU, QUẢNG BÁ, TIÊU THỤ SẢN PHẨM, BẢO HIỂM SẢN XUẤT, KINH DOANH NÔNG NGHIỆP**

**Điều 1. Tư vấn bằng hình thức trực tiếp *– Mã sản phẩm: TVDV01***

**1. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Là hoạt động tư vấn chính sách và pháp luật liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn. Liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm. Khởi nghiệp, lập dự án đầu tư, huy động vốn, tuyển dụng và đào tạo lao động, xúc tiến thị trường, xây dựng thương hiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, bảo hiểm sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

- Nhằm hỗ trợ cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm. Khởi nghiệp, lập dự án đầu tư, huy động vốn, tuyển dụng và đào tạo lao động, xúc tiến thị trường, xây dựng thương hiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, bảo hiểm sản xuất, kinh doanh nông nghiệp

**2. Thành phần công việc**

- Bước 1: Xác định nội dung, đối tượng yêu cầu tư vấn.

- Bước 2: Khảo sát địa điểm, yêu cầu hỗ trợ.

- Bước 3: Tư vấn xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm. Khởi nghiệp, lập dự án đầu tư, huy động vốn, tuyển dụng và đào tạo lao động, xúc tiến thị trường, xây dựng thương hiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, bảo hiểm sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

- Bước 4: Tư vấn thực hiện các thủ tục và liên hệ với cơ quan, đơn vị để liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm. Khởi nghiệp, lập dự án đầu tư, huy động vốn, tuyển dụng và đào tạo lao động, xúc tiến thị trường, xây dựng thương hiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, bảo hiểm sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

- Bước 5: Tổng kết, viết báo cáo kết quả; Tập hợp chứng từ, lập hồ sơ quyết toán.

**3. Định mức**

*ĐVT: Tính cho 1 nội dung tư vấn*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật** | **Ghi chú** |
| **I** | **Định mức lao động trực tiếp**  *(Định mức công của lao động gián tiếp có chuyên môn)* | **Người** | **14** |  |  |
| 1 | Xác định nội dung, đối tượng tư vấn  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/  ngày | 1 | Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện. |  |
| 2 | Khảo sát địa điểm, yêu cầu hỗ trợ.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/  ngày | 2 |  |
| 3 | Tư vấn xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm. Khởi nghiệp, lập dự án đầu tư, huy động vốn, tuyển dụng và đào tạo lao động, xúc tiến thị trường, xây dựng thương hiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, bảo hiểm sản xuất, kinh doanh nông nghiệp  *- Số lượng người yêu cầu: 03 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 3 |  |
| 4 | Tư vấn thực hiện các thủ tục và liên hệ với cơ quan, đơn vị để liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm. Khởi nghiệp, lập dự án đầu tư, huy động vốn, tuyển dụng và đào tạo lao động, xúc tiến thị trường, xây dựng thương hiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, bảo hiểm sản xuất, kinh doanh nông nghiệp  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 5 | Thanh toán, Tổng kết, viết báo cáo kết quả; Tập hợp chứng từ, lập hồ sơ quyết toán.  *- Số lượng người yêu cầu: 2 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 6 | Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)  *- Số lượng người yêu cầu: 5 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 5 |  |  |
| **II** | **Định mức vật tư, phương tiện** |  |  |  |  |
| 1 | Văn phòng phẩm (Giấy) | Gram | 0,1 | A4 |  |
| 2 | Máy tính để bàn | Bộ | 9 | 0,5 kw/giờ |  |
| 3 | Máy in | Cái | 9 | 0,4 kw/giờ |  |

**Điều 2. Tư vấn thông qua diễn đàn, tọa đàm - *Mã sản phẩm:* *TVDV02***

1. Tiêu chí, tiêu chuẩn

- Tổ chức các diễn đàn, tọa đàm nhằm Tư vấn chính sách và pháp luật liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn. Liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm. Khởi nghiệp, lập dự án đầu tư, huy động vốn, tuyển dụng và đào tạo lao động, xúc tiến thị trường, xây dựng thương hiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, bảo hiểm sản xuất, kinh doanh nông nghiệp

- Nhằm giúp cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm. Khởi nghiệp, lập dự án đầu tư, huy động vốn, tuyển dụng và đào tạo lao động, xúc tiến thị trường, xây dựng thương hiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, bảo hiểm sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

2. Thành phần công việc

- Bước 1: Xác định quy mô, chủ đề, đối tượng tham gia diễn đàn, tọa đàm.

- Bước 2: Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức.

- Bước 3: Làm việc với cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị phối hợp tại địa phương; Khảo sát địa điểm tổ chức (hội trường, thiết bị).

- Bước 4: Lựa chọn đơn vị (Viện, Trường, Doanh nghiệp) cung ứng dịch vụ và các trang thiết bị phục vụ.

- Bước 5: Xây dựng tài liệu diễn đàn, tọa đàm.

- Bước 6: Lập danh sách đại biểu khách mời; gửi giấy mời và xác nhận đại biểu tham dự.

- Bước 7: Ban hành công văn đăng ký tham gia diễn đàn, tọa đàm gửi các địa phương/đơn vị; Tổng hợp đăng ký tham gia của địa phương/đơn vị và đại biểu.

- Bước 8: Xây dựng chương trình cho diễn đàn, tọa đàm; nội dung chi tiết từng hoạt động.

- Bước 9: Thiết kế, duyệt maket và tổ chức in phông chính hội trường, băng rôn.

- Bước 10: Các hoạt động hậu cần khác cho diễn đàn, tọa đàm như:

+ Đưa đón đại biểu khách mời;

+ Chuẩn bị chỗ ăn đại biểu khách mời;

+ Rà soát, kiểm tra địa điểm tổ chức, hội trường và các hoạt động khác có liên quan.

- Bước 11: Đón tiếp đại biểu khách mời và người tham dự diễn đàn, tọa đàm. Tổ chức theo kế hoạch đề ra.

- Bước 12: Báo cáo kết quả thực hiện, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Định mức

*Áp dụng định mức Tổ chức diễn đàn KN@NN, KN@KTNN, tọa đàm khuyến nông* ***- Mã sản phẩm: TTTT10 thuộc phụ lục II***

**CHƯƠNG II. TƯ VẤN VÀ HỖ TRỢ CÁC TỔ, NHÓM NÔNG DÂN TRONG VIỆC THIẾT KẾ, IN LOGO, BAO BÌ, TEM, MÃ QR-CODE NHÃN HIỆU NÔNG SẢN, HÀNG HÓA**

**Điều 3. Tư vấn và hỗ trợ các tổ, nhóm nông dân trong việc thiết kế, in logo, bao bì, tem, mã QR-CODE nhãn hiệu nông sản, hàng hóa *- Mã sản phẩm: TVDV03***

**1. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Là hoạt động tư vấn và hỗ trợ các tổ, nhóm nông dân trong việc thiết kế, in logo, bao bì, tem, mã QR-CODE nhãn hiệu nông sản, hàng hóa. Nhằm hỗ trợ cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp thiết kế mẫu mã và bao bì hàng hóa bắt mắt và dễ nhận biết hàng hóa, nông sản phạm vi trong tỉnh

**2. Thành phần công việc**

- Bước 1: Khảo sát, xác định nội dung và yêu cầu thiết kế, in logo, bao bì, tem, mã QR-CODE nhãn hiệu nông sản, hàng hóa.

- Bước 2: Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí.

- Bước 3: Thực hiện ký hợp đồng tư vấn thiết kế, in logo, bao bì, tem, mã QR-CODE nhãn hiệu nông sản, hàng hóa.

- Bước 4: Thiết kế bản thảo, maket logo, bao bì, tem, mã QR-CODE nhãn hiệu nông sản, hàng hóa.

- Bước 5: Thông qua bản thảo, maket logo, bao bì, tem, mã QR-CODE nhãn hiệu nông sản, hàng hóa.

- Bước 6: Điều chỉnh bản thảo, maket logo, bao bì, tem, mã QR-CODE nhãn hiệu nông sản, hàng hóa.

- Bước 7: Tổ chức In logo, bao bì, tem, mã QR-CODE nhãn hiệu nông sản, hàng hóa.

- Bước 8: Bàn giao sản phẩm và file thiết kế. Thanh lý hợp đồng.

- Bước 9: Báo cáo kết quả thực hiện và thanh quyết toán kinh phí theo quy định

**3. Định mức**

*Tính cho 1 sản phẩm thiết kế*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật** | **Ghi chú** |
| **I** | **Định mức lao động trực tiếp**  *(Định mức công của lao động trực tiếp có chuyên môn)* | **Người** | **15** |  |  |
| 1 | Xác định nội dung và yêu cầu thiết kế, in logo, bao bì, tem, mã QR-CODE nhãn hiệu nông sản, hàng hóa  *- Số lượng người yêu cầu: 01người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ngày | 1 | Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện. |  |
| 2 | Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 3 | Thực hiện ký hợp đồng tư vấn thiết kế, in logo, bao bì, tem, mã QR-CODE nhãn hiệu nông sản, hàng hóa  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 4 | Thiết kế bản thảo, maket logo, bao bì, tem, mã QR-CODE nhãn hiệu nông sản, hàng hóa.  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 5 | Thông qua bản thảo, maket logo, bao bì, tem, mã QR-CODE nhãn hiệu nông sản, hàng hóa  *- Số lượng người yêu cầu: 1 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 6 | Điều chỉnh bản thảo, maket logo, bao bì, tem, mã QR-CODE nhãn hiệu nông sản, hàng hóa.  *- Số lượng người yêu cầu: 1 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 7 | Tổ chức In logo, bao bì, tem, mã QR-CODE nhãn hiệu nông sản, hàng hóa.  *- Số lượng người yêu cầu: 1 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 8 | Bàn giao sản phẩm và file thiết kế. Thanh lý hợp đồng  *- Số lượng người yêu cầu: 1 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |  |
| 9 | Báo cáo kết quả thực hiện và thanh quyết toán kinh phí theo quy định  *- Số lượng người yêu cầu: 1 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |  |
| 10 | Định mức Lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)  *- Số lượng người yêu cầu: 5 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 5 |  |  |
| **II** | **Định mức vật tư, phương tiện** |  |  |  |  |
| 1 | Giấy | Gram | 0,5 | Loại giấy bóng, in màu |  |
| 2 | Máy tính để bàn | Bộ | 1 | 0,5 kw/giờ |  |
| 3 | Máy in trắng đen | Cái | 1 | 0,4 kw/giờ |  |
| 4 | Máy in màu | Cái | 1 | 0,4 kw/giờ |  |
| 5 | Xe đi khảo sát | Chuyến | 1 |  |  |

**CHƯƠNG III. TƯ VẤN VÀ GIỚI THIỆU CÁC SẢN PHẨM, THIẾT BỊ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI VÀ AN TOÀN SINH HỌC ĐẾN NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

**Điều 4. Tư vấn bằng hình thức trực tiếp *- Mã sản phẩm: TVDV04***

**1. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Là hoạt động tư vấn và giới thiệu các sản phẩm, thiết bị ứng dụng công nghệ mới và an toàn sinh học đến người dân trên địa bàn tỉnh

- Nhằm hỗ trợ cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện thiết bị ứng dụng công nghệ mới và an toàn sinh học vào sản xuất.

**2. Thành phần công việc**

- Bước 1: Xác định nội dung, đối tượng tư vấn.

- Bước 2: Khảo sát địa điểm, yêu cầu hỗ trợ.

- Bước 3: Tư vấn xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện thiết bị ứng dụng công nghệ mới và an toàn sinh học vào sản xuất.

- Bước 4: Thực hiện ký hợp đồng cung ứng thiết bị ứng dụng công nghệ mới và an toàn sinh học.

- Bước 5: Tư vấn thực hiện các thủ tục và liên hệ với cơ quan, đơn vị để thực hiện cung ứng thiết bị ứng dụng công nghệ mới và an toàn sinh học vào sản xuất.

- Bước 6: Bàn giao thiết bị ứng dụng công nghệ mới và an toàn sinh học. Nghiệm thu kết quả.

- Bước 7: Thanh lý hợp đồng. Tập hợp chứng từ, lập hồ sơ thanh toán.

**3. Định mức**

*ĐVT: Tính cho 1 nội dung*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật** | **Ghi chú** |
| **I** | **Định mức lao động trực tiếp**  *(Định mức công của lao động gián tiếp có chuyên môn)* | **Người** | **13** |  |  |
| 1 | Xác định nội dung, đối tượng tư vấn  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/  ngày | 1 | Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện. |  |
| 2 | Khảo sát địa điểm, yêu cầu hỗ trợ.  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/  ngày | 1 |  |
| 3 | Tư vấn xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện thiết bị ứng dụng công nghệ mới và an toàn sinh học vào  sản xuất  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 4 | Thực hiện ký hợp đồng cung ứng thiết bị ứng dụng công nghệ mới và an toàn sinh học.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 5 | Tư vấn thực hiện các thủ tục và liên hệ với cơ quan, đơn vị để thực hiện cung ứng thiết bị ứng dụng công nghệ mới và an toàn sinh học vào sản xuất  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 6 | Bàn giao thiết bị ứng dụng công nghệ mới và an toàn sinh học. Nghiệm thu kết quả. | Người/ ngày | 1 |  |
| 7 | Thanh lý hợp đồng. Tập hợp chứng từ, lập hồ sơ thanh toán.  *- Số lượng người yêu cầu: 2 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 8 | Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)  *- Số lượng người yêu cầu: 5 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 5 |  |  |
| **II** | **Định mức vật tư, phương tiện** |  |  |  |  |
| 1 | Giấy | Gram | 0,5 | A4 |  |
| 2 | Máy tính để bàn | Bộ | 1 | 0,5 kw/giờ |  |
| 3 | Máy in | Cái | 1 | 0,4 kw/giờ |  |
| 4 | Xe đi khảo sát | Chuyến | 1 |  |  |

**Điều 5. Tư vấn dịch vụ thông qua hoạt động hội thảo - *Mã sản phẩm:* *TVDV05***

1. Tiêu chí, tiêu chuẩn

- Tổ chức hội thảo tư vấn và giới thiệu các sản phẩm, thiết bị ứng dụng công nghệ mới và an toàn sinh học.

- Nhằm giúp cho nông dân tiếp cận các sản phẩm, thiết bị ứng dụng công nghệ mới và an toàn sinh học, góp phần đẩy nhanh việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ, thiết bị vào trong sản xuất.

2. Thành phần công việc

- Bước 1: Xác định quy mô, chủ đề, đối tượng tham gia hội thảo.

- Bước 2: Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức.

- Bước 3: Làm việc với cơ quan, đơn vị phối hợp tại địa phương; Khảo sát địa điểm tổ chức (mô hình tham quan).

- Bước 4: Lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ và các trang thiết bị phục vụ.

- Bước 5: Xây dựng tài liệu hội thảo.

- Bước 6: Lập danh sách đại biểu khách mời; gửi giấy mời và xác nhận đại biểu tham dự.

- Bước 7: Ban hành công văn hướng dẫn đăng ký tham gia hội thảo gửi các địa phương/đơn vị; Tổng hợp đăng ký tham gia của địa phương/đơn vị và đại biểu.

- Bước 8: Xây dựng chương trình hội thảo; nội dung chi tiết từng hoạt động.

- Bước 9: Thiết kế, duyệt maket và in băng rôn tại địa điểm tổ c

- Bước 10: Các hoạt động hậu cần khác cho hội thảo như:

+ Rà soát, kiểm tra địa điểm tổ chức và các hoạt động khác có liên quan.

- Bước 11: Đón tiếp đại biểu khách mời và người tham dự hội thảo; Tổ chức hội thảo diễn ra theo chương trình.

- Bước 12: Báo cáo kết quả thực hiện, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

**3. Định mức:** Áp dụng định mức tổ chức hội thảo đầu bờ - Mã sản phẩm: TTTT18 thuộc Phụ lục II

**CHƯƠNG IV. DỊCH VỤ CHUYỂN GIAO TIẾN BỘ KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ, TỔ CHỨC, QUẢN LÝ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NÔNG NGHIỆP**

**Điều 6. Dịch vụ bằng hình thức trực tiếp - *Mã sản phẩm:* *TVDV06***

**1. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Là hoạt động dịch vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp đến người dân trên địa bàn tỉnh

- Nhằm cung cấp cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp

**2. Thành phần công việc**

- Bước 1: Xác định nội dung hình thức, đối tượng dịch vụ.

- Bước 2: Khảo sát địa điểm, yêu cầu dịch vụ.

- Bước 3: Tư vấn xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí sử dụng dịch vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp.

- Bước 4: Tư vấn cách sử dụng, các bước thực hiện và liên hệ với cơ quan, đơn vị để sử dụng dịch vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp.

- Bước 5: Thực hiện chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp.

- Bước 6: Tổng kết, viết báo cáo kết quả; Tập hợp chứng từ, lập hồ sơ quyết toán.

**3 Định mức**

Áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật hoạt động xây dựng và nhân rộng mô hình Khuyến nông thuộc Phụ lục III

**Điều 7. Dịch vụ Tập huấn FFS tại hiện trường cho nhóm nông dân - *Mã sản phẩm:* *TVDV07***

**1. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Là hoạt động dịch vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp thông qua tập huấn đến người dân trên địa bàn tỉnh.

- Nhằm cung cấp cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp.

**2. Thành phần công việc**

- Bước 1: Xác định nội dung, đối tượng tập huấn.

- Bước 2: Khảo sát địa điểm, yêu cầu, thời gian.

- Bước 3: Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp.

- Bước 4: Xây dựng tài liệu tập huấn.

- Bước 5: Lập danh sách đại biểu khách mời; gửi giấy mời và xác nhận đại biểu tham dự.

- Bước 6: Ban hành công văn đăng ký tham gia tập huấn gửi các địa phương/đơn vị; Tổng hợp đăng ký tham gia của địa phương/đơn vị và đại biểu.

- Bước 7: Xây dựng chương trình; nội dung chi tiết từng hoạt động tập huấn.

- Bước 8: Thiết kế, duyệt maket và tổ chức in băng gol tập huấn.

- Bước 9: Các hoạt động hậu cần khác cho tập huấn như:

+ Chuẩn bị ăn, uống cho ban tổ chức và học viên;

+ Rà soát, kiểm tra địa điểm và các hoạt động khác có liên quan.

- Bước 10: Đón tiếp đại biểu khách mời và người tham dự tập huấn.

- Bước 11: Báo cáo kết quả thực hiện, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

**3. Định mức**

*Áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật hoạt động bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo* ***- Mã sản phẩm: ĐT KN12 thuộc Phụ lục I***

**Điều 8. Dịch vụ liên kết đào tạo, tập huấn tại cơ sở doanh nghiệp - *Mã sản phẩm:* *TVDV08***

**1. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Là hoạt động dịch vụ liên kết đào tạo, tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp thông qua tập huấn đến người dân trên địa bàn tỉnh.

- Nhằm cung cấp cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp.

**2. Thành phần công việc**

- Bước 1: Xác định nội dung, đối tượng, yêu cầu liên kết đào tạo, tập huấn.

- Bước 2: Khảo sát địa điểm, yêu cầu, thời gian.

- Bước 3: Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí, hợp đồng liên kết đào tạo

- Bước 4: Xây dựng tài liệu tập huấn, xây dựng chương trình; nội dung chi tiết từng hoạt động tập huấn.

- Bước 6: Gửi tài liệu và yêu cầu thiết bị, mẫu vật cho đơn vị liên kết chuẩn bị.

- Bước 7: Thực hiện tập huấn theo hợp đồng đã ký.

- Bước 8: Báo cáo kết quả thực hiện, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

**3 Định mức:***Áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật hoạt động bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo* ***- Mã sản phẩm: ĐT KN01,*** ***ĐTKN03, ĐTKN06***, ***ĐT KN13 thuộc Phụ lục I***

**CHƯƠNG V. DỊCH VỤ CUNG ỨNG GIỐNG, VẬT TƯ VÀ THIẾT BỊ NÔNG NGHIỆP *- Mã sản phẩm: TVDV09***

**Điều 9. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Thành lập các Điểm Tư vấn dịch vụ Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

- Là hoạt động cung ứng dịch vụ giống cây trồng và thiết bị nông nghiệpđến người dân trên địa bàn tỉnh.

- Nhằm giúp cho nông dân tiếp cận được các giống cây trồng, vật nuôi và thiết bị hỗ trợ sản xuất nông nghiệp chất lượng.

**Điều 10. Thành phần công việc**

- Bước 1: Xác định đối tượng có nhu cầu sử dụng dịch vụ giống cây trồng và thiết bị nông nghiệp.

- Bước 2: Gửi báo giá và dự toán kinh phí và hợp đồng cung ứng.

- Bước 3: Thực hiện ký hợp đồng cung ứng giống cây trồng, vật nuôi và thiết bị hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

- Bước 4: Chuẩn bị các loại giống cây trồng và thiết bị nông nghiệp.

- Bước 5: Thực hiện dịch vụ giống, vật tư và thiết bị nông nghiệp tại cơ sở (tổ hợp tác, hợp tác xã, nông dân, doanh nghiệp).

- Bước 6: Thực hiện bàn giao, nghiệm thu giống, vật tư và thiết bị nông nghiệp.

- Bước 7: Thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.

**Điều 11. Định mức**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật** | **Ghi chú** |
| **I** | **Định mức lao động trực tiếp**  *(Định mức công của lao động trực tiếp có chuyên môn)* | **Người** | **12** |  |  |
| 1 | Khảo sát địa điểm, xác định đối tượng có nhu cầu sử dụng dịch vụ giống cây trồng và thiết bị nông nghiệp  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/  ngày | 1 | Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện. |  |
| 2 | Gửi báo giá và dự toán kinh phí và hợp đồng cung ứng  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/  ngày | 1 |  |
| 3 | Thực hiện ký hợp đồng cung ứng giống cây trồng, vật nuôi và thiết bị hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 4 | Chuẩn bị các loại giống cây trồng và thiết bị nông nghiệp  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 5 | Bàn giao giống cây trồng và thiết bị nông nghiệp. Nghiệm thu kết quả. | Người/ ngày | 1 |  |
| 6 | Thanh lý hợp đồng. Tập hợp chứng từ, lập hồ sơ thanh toán.  *- Số lượng người yêu cầu: 2 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 7 | Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)  *- Số lượng người yêu cầu: 5 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 5 |  |  |
| **II** | **Định mức vật tư, phương tiện** |  |  |  |  |
| 1 | Giấy | Gram | 0,5 | A4 |  |
| 2 | Máy tính để bàn | Bộ | 1 | 0,5 kw/giờ |  |
| 3 | Máy in | Cái | 1 | 0,4 kw/giờ |  |
| 4 | Xe đi khảo sát | Chuyến | 1 |  |  |

**CHƯƠNG VI. DỊCH VỤ THÚC ĐẨY ỨNG DỤNG CƠ GIỚI HÓA VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG MINH TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP: ỨNG DỤNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI, TƯỚI TIẾT KIỆM, MÁY CẤY LÚA, MÁY GIEO HẠT, MÁY GẶT ĐẬP LIÊN HỢP, MÁY BAY PHUN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KHÔNG NGƯỜI LÁI.**

**Điều 12. Dịch vụ tưới tiết kiệm *- Mã sản phẩm: TVDV10***

**1. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Là hoạt động dịch vụ lắp đặt và cung ứng thiết bị hệ thống tưới đến người dân trên địa bàn tỉnh.

- Nhằm đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ, thiết bị tưới nước tiết kiệm cho người dân trong sản xuất nông nghiệp.

**2. Thành phần công việc**

- Bước 1: Tiếp nhận nhu cầu sử dụng dịch vụ lắp đặt và cung ứng thiết bị hệ thống tưới.

- Bước 2: Khảo sát thực tế và xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí lắp đặt và cung ứng thiết bị hệ thống tưới.

- Bước 3 Thực hiện ký hợp đồng dịch vụ.

- Bước 4: Chuẩn bị các thiết bị lắp đặt và cung ứng thiết bị hệ thống tưới.

- Bước 5: Tổ chức triển khai lắp đặt và cung ứng thiết bị hệ thống tưới tại cơ sở (tổ hợp tác, hợp tác xã).

- Bước 6: Vận hành, Nghiệm thu và đánh giá kết quả.

- Bước 7: Thực hiện thanh lý hợp đồng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

**3 Định mức**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật** | **Ghi chú** |
| **I** | **Định mức lao động trực tiếp**  *(Định mức công của lao động trực tiếp có chuyên môn)* | **Người** | **18** |  |  |
| 1 | Tiếp nhận nhu cầu sử dụng dịch vụ lắp đặt và cung ứng thiết bị hệ thống tưới.  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: Được đào tạo kỹ thuật lắp đặt hệ thống tưới nước tiết kiệm theo quy định* | Người/  ngày | 1 | Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện. |  |
| 2 | Khảo sát thực tế và xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí lắp đặt và cung ứng thiết bị hệ thống tưới  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 3 | Thực hiện ký hợp đồng dịch vụ  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 4 | Chuẩn bị các thiết bị lắp đặt và cung ứng thiết bị hệ thống tưới.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 5 | Tổ chức triển khai lắp đặt và cung ứng thiết bị hệ thống tưới tại cơ sở (tổ hợp tác, hợp tác xã, nông dân, doanh nghiệp).  *- Số lượng người yêu cầu: 2 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 6 | Vận hành, Nghiệm thu và đánh giá kết quả  *- Số lượng người yêu cầu: 2 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 7 | Thực hiện thanh lý hợp đồng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định  *- Số lượng người yêu cầu: 1 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 8 | Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)  *- Số lượng người yêu cầu: 5 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 5 |  |  |
| **II** | **Định mức vật tư, thiết bị hệ thống tưới phun mưa tiết kiệm nước cho cây trồng** | **Ha** | **1** | *Áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật. Phần 2 Xây dựng và nhân rộng mô hình lĩnh vực ứng dụng công nghê - Mã số: MHUDCN01* | Đối tượng cho các loại rau, màu |
| **III** | **Định mức vật tư, thiết bị hệ thống tưới phun mưa tiết kiệm nước cho cây trồng** | **Ha** | **1** | *Áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật. Phần 2 Xây dựng và nhân rộng mô hình lĩnh vực ứng dụng công nghê Mã số: MHUDCN02, Mã số: MHUDCN03* | Đối tượng cho cây ăn trái |

**Điều 13. Dịch vụ máy bay phun thuốc bảo vệ thực vật không người lái - *Mã sản phẩm:* *TVDV11***

**1. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Là hoạt động dịch vụ phun thuốc bảo vệ thực vậttrên cây lúa đến người dân trên địa bàn tỉnh.

- Nhằm đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ thông minh và giải quyết vấn đề công lao động trong sản xuất nông nghiệp.

**2. Thành phần công việc**

- Bước 1: Tiếp nhận nhu cầu sử dụng dịch vụ phun thuốc bảo vệ thực vậttrên cây lúa.

- Bước 2: Khảo sát thực tế và xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí phun thuốc bảo vệ thực vậttrên cây lúa.

- Bước 3: Thực hiện ký hợp đồng phun thuốc bảo vệ thực vật.

- Bước 4: Chuẩn bị các thiết bị phun thuốc bảo vệ thực vậttrên cây lúa và định vị trị trí ruộng.

- Bước 5: Tổ chức triển khai phun thuốc bảo vệ thực vậttrên cây lúa tại cơ sở (tổ hợp tác, hợp tác xã).

- Bước 6: Nghiệm thu và đánh giá kết quả.

- Bước 7: Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.

**3 Định mức**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật** | **Ghi chú** |
| **I** | **Định mức lao động trực tiếp**  *(Định mức công của lao động gián tiếp có chuyên môn)* | **Người** | **18** |  |  |
| 1 | Tiếp nhận nhu cầu sử dụng dịch vụ phun thuốc bảo vệ thực vậttrên cây lúa.  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: Được đào tạo kiến thức vận hành máy bay không người lái* | Người/  ngày | 1 | Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện. |  |
| 2 | Khảo sát thực tế và xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí phun thuốc bảo vệ thực vậttrên cây lúa  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 3 | Thực hiện ký hợp đồng phun thuốc bảo vệ thực vật.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 4 | Tổ chức triển khai phun thuốc bảo vệ thực vậttrên cây lúa tại cơ sở (tổ hợp tác, hợp tác xã, nông dân).  *- Số lượng người yêu cầu: 2 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 5 | Nghiệm thu và đánh giá kết quả  *- Số lượng người yêu cầu: 2 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 6 | Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.  *- Số lượng người yêu cầu: 1 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 7 | Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)  *- Số lượng người yêu cầu: 5 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 5 |  |  |
| **II** | **Định mức vật tư, thiết bị** | **Ha** | **1** |  |  |
| 1 | Pin | Lần sạc/ha | 0,5 – 0,6 |  | 01 lần sạc xả tuần hoàn |
| 2 | Xăng động cơ máy phát điện | Lít/ha | 0,5 – 0,7 | Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất |  |
| 3 | Nhớt động cơ máy phát điện | Lít/ha | 0,2 – 0,3 |  |
| 4 | Máy bơm thuốc | % | 0,07 – 0,08 | Chu kỳ sử dụng 300ha |
| 5 | Vòi ly tâm | % | 0,07 – 0,08 |
| 6 | Ống dẫn thuốc | % | 0,07 – 0,08 |
| 7 | Cánh quạt | % | 0,53 – 0,7 |  |
| 8 | Cốt động cơ | % | 0,53 – 0,7 |  |
| 9 | Wifi/4G | % | 0,3 – 0,5 |  |

**CHƯƠNG VII. DỊCH VỤ SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN VÀ MUA BÁN NÔNG SẢN GẮN VỚI TRUY XUẤT NGUỒN GỐC - *Mã sản phẩm:* *TVDV12***

**Điều 14. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Là hoạt động dịch vụ hỗ trợ sơ chế, chế biến và mua bán nông sản gắn với truy xuất nguồn gốc.

- Nhằm giúp cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện sơ chế, chế biến và mua bán nông sản gắn với truy xuất nguồn gốc. Góp phần nâng cao giá trị nông sản của tỉnh.

**Điều 15. Thành phần công việc**

- Bước 1: Tiếp nhận nhu cầu hỗ trợ dịch vụ sơ chế, chế biến và mua bán nông sản gắn với truy xuất nguồn gốc.

- Bước 2: Khảo sát thực tế và xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí sơ chế, chế biến và mua bán nông sản gắn với truy xuất nguồn gốc.

- Bước 3: Thực hiện ký hợp đồng tư vấn hỗ trợ thực hiện sơ chế, chế biến và mua bán nông sản gắn với truy xuất nguồn gốc.

- Bước 4: Hỗ trợ thực hiện thủ tục đăng ký sơ chế, chế biến và mua bán nông sản gắn với truy xuất nguồn gốc. Đăng ký tài khoản và hướng dẫn thực hiện truy xuất nguồn gốc trên trang nông sản Hậu Giang.

- Bước 5: Triển khai đăng ký sơ chế, chế biến và mua bán nông sản gắn với truy xuất nguồn gốc cơ sở (tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp).

- Bước 6: Nghiệm thu và đánh giá kết quả.

- Bước 7: Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.

**Điều 16. Định mức**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật** | **Ghi chú** |
| **I** | **Định mức lao động trực tiếp**  *(Định mức công của lao động trực tiếp có chuyên môn)* | **Người** | **18** |  |  |
| 1 | Tiếp nhận nhu cầu hỗ trợ dịch vụ sơ chế, chế biến và mua bán nông sản gắn với truy xuất nguồn gốc  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: Được đào tạo kiến thức sơ chế, chế biến và mua bán nông sản gắn với truy xuất nguồn gốc*. | Người/  ngày | 1 | Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện. |  |
| 2 | Khảo sát thực tế và xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí sơ chế, chế biến và mua bán nông sản gắn với truy xuất nguồn gốc  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 3 | Thực hiện ký hợp đồng tư vấn hỗ trợ thực hiện sơ chế, chế biến và mua bán nông sản gắn với truy xuất nguồn gốc  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 4 | Hỗ trợ thực hiện thủ tục đăng ký sơ chế, chế biến và mua bán nông sản gắn với truy xuất nguồn gốc. Đăng ký tài khoản và hướng dẫn thực hiện truy xuất nguồn gốc trên trang nông sản Hậu Giang.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 5 | Nghiệm thu và đánh giá kết quả.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 6 | Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 7 | Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)  *- Số lượng người yêu cầu: 5 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 5 |  |  |

**CHƯƠNG VIII. DỊCH VỤ CHO THUÊ HỘI TRƯỜNG, TRẠI CHĂN NUÔI, MÁY MÓC, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

**Điều 17. Dịch vụ cho thuê hội trường tập huấn - *Mã sản phẩm:* *TVDV13***

**1. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Là hoạt động dịch vụ cung cấp trang thiết bị hội trường phục vụ tập huấn cho các đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Nhằm giúp cho đơn vị tăng nguồn thu, góp phần tăng thu nhập cho đội ngũ viên chức của đơn vị.

**2. Thành phần công việc**

- Bước 1: Tiếp nhận nhu cầu thuê hội trường.

- Bước 2: Hướng dẫn đơn vị thuê hội trường khảo sát thực tế và trao đổi yêu cầu 2 bên.

- Bước 3: Thương thảo và thực hiện ký hợp đồng.

- Bước 4: Chuẩn bị trang thiết bị, trang trí hội trường theo hợp đồng đã ký.

- Bước 5: Nghiệm thu và đánh giá kết quả.

- Bước 6: Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.

**3. Định mức**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật** | **Ghi chú** |
| **I** | **Định mức lao động trực tiếp**  *(Định mức công của lao động trực tiếp có chuyên môn)* | **Người** | **15** |  |  |
| 1 | Tiếp nhận nhu cầu thuê hội trường  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: Được đào tạo kiến thức về dịch vụ cho thuê hội trường* | Người/  ngày | 1 | Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện. |  |
| 2 | Hướng dẫn đơn vị thuê hội trường khảo sát thực tế và trao đổi yêu cầu 2 bên  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 3 | Thương thảo và thực hiện ký hợp đồng  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 4 | Chuẩn bị trang thiết bị, trang trí hội trường theo hợp đồng đã ký  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 5 | Nghiệm thu và đánh giá kết quả.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 6 | Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 7 | Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)  *- Số lượng người yêu cầu: 5 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 5 |  |  |
| **II** | **Máy móc, thiết bị** |  |  |  |  |
| 1 | Điều hòa nhiệt độ | Chiếc | 8 | 1 kw/giờ |  |
| 2 | Amly | Chiếc | 01 | 0,3 kw/giờ |  |
| 3 | Loa | Chiếc | 02 | 0,15 kw/giờ |  |
| 4 | Đèn neon | Chiếc | 30 | 0,04 kw/giờ |  |
| 5 | Máy chiếu | Chiếc | 01 | 0,3 kw/giờ |  |
| 6 | Màn chiếu | Chiếc | 01 |  |  |
| 7 | Bộ bàn ghế họp | Bộ | 100 |  |  |
| 8 | Bụt phát biểu | Chiếc | 01 |  |  |
| 9 | Micro | Chiếc | 04 |  |  |

**Điều 18. Dịch vụ cho thuê trại chăn nuôi - *Mã sản phẩm:* *TVDV14***

**1. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Là dịch vụ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các nhân thuê trại chăn nuôi.

- Nhằm giúp cho đơn vị tăng nguồn thu, góp phần tăng thu nhập cho đội ngũ viên chức của đơn vị

**2. Thành phần công việc**

- Bước 1: Tiếp nhận nhu cầu thuê trại chăn nuôi.

- Bước 2: Hướng dẫn đơn vị thuê trại chăn nuôi khảo sát thực tế và trao đổi yêu cầu 2 bên.

- Bước 3: Thương thảo và thực hiện ký hợp đồng.

- Bước 4: Chuẩn bị trang thiết bị trại chăn nuôi theo hợp đồng đã ký.

- Bước 5: Nghiệm thu và đánh giá kết quả.

- Bước 6: Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.

**3. Định mức**

Thực hiện thông qua xây dựng đề án cho thuê và theo quy định của nhà nước.

**Điều 19. Dịch vụ cho thuê máy bay phun thuốc Bảo vệ Thực vật - *Mã sản phẩm:* *TVDV15***

**1. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Là dịch vụ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các nhân thuê máy bay nông nghiệp.

- Nhằm giúp cho đơn vị tăng nguồn thu và sử dụng có hiệu quả tài sản nhà nước giao, góp phần tăng thu nhập cho đội ngũ viên chức của đơn vị

**2. Thành phần công việc**

- Bước 1: Tiếp nhận nhu cầu thuê máy bay nông nghiệp.

- Bước 2: Hướng dẫn đơn vị thuê máy bay nông nghiệp khảo sát thực tế và trao đổi yêu cầu 2 bên.

- Bước 3: Thương thảo và thực hiện ký hợp đồng.

- Bước 4: Chuẩn bị trang thiết bị máy bay nông nghiệp theo hợp đồng đã ký.

- Bước 5: Nghiệm thu và đánh giá kết quả.

- Bước 6: Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.

**3. Định mức**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật** | **Ghi chú** |
| **I** | **Định mức lao động trực tiếp**  *(Định mức công của lao động trực tiếp có chuyên môn)* | **Người** | **15** |  |  |
| 1 | Tiếp nhận nhu cầu thuê máy bay nông nghiệp  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: Được đào tạo kiến thức vận hành máy bay không người lái* | Người/  ngày | 1 | Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện. |  |
| 2 | Hướng dẫn đơn vị thuê máy bay nông nghiệp khảo sát thực tế và trao đổi yêu cầu 2 bên  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 3 | Thương thảo và thực hiện ký hợp đồng  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 4 | Chuẩn bị trang thiết bị máy bay nông nghiệp theo hợp đồng đã ký  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 5 | Nghiệm thu và đánh giá kết quả.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 6 | Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 7 | Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)  *- Số lượng người yêu cầu: 5 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 5 |  |  |
| **II** | **Máy móc, thiết bị** | **Ha** | **1** |  |  |
| 1 | Pin | Lần sạc/ha | 0,5 – 0,6 | Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất | 01 lần sạc xả tuần hoàn |
| 2 | Xăng động cơ máy phát điện | Lít/ha | 0,5 – 0,7 |  |
| 3 | Nhớt động cơ máy phát điện | Lít/ha | 0,2 – 0,3 |  |
| 4 | Máy bơm thuốc | % | 0,07 – 0,08 | Chu kỳ sử dụng 300ha |
| 5 | Vòi ly tâm | % | 0,07 – 0,08 |
| 6 | Ống dẫn thuốc | % | 0,07 – 0,08 |
| 7 | Cánh quạt | % | 0,53 – 0,7 |  |
| 8 | Cốt động cơ | % | 0,53 – 0,7 |  |
| 9 | Wifi/4G | % | 0,3 – 0,5 |  |

**4.** **Loại máy: Máy bay phun thuốc Bảo vệ thực vật**

**\* Thời gian khấu hao:** 3 năm (Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính).

\* Khấu hao hàng năm:

|  |  |
| --- | --- |
| KH = | NG |
| Nsd |

Trong đó:

KH: mức khấu hao trung bình hằng năm

NG: nguyên giá của máy, thiết bị tại thời điểm hiện tại

Nsd: thời gian sử dụng máy, thiết bị.

**Điều 20. Dịch vụ cho thuê Máy gặt đập liên hợp - *Mã sản phẩm:* *TVDV16***

**1. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Là dịch vụ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các nhân thuê Máy gặt đập liên hợp.

- Nhằm giúp cho đơn vị tăng nguồn thu và sử dụng có hiệu quả tài sản nhà nước giao, góp phần tăng thu nhập cho đội ngũ viên chức của đơn vị

**2. Thành phần công việc**

- Bước 1: Tiếp nhận nhu cầu thuê Máy gặt đập liên hợp.

- Bước 2: Hướng dẫn đơn vị thuê Máy gặt đập liên hợp khảo sát thực tế và trao đổi yêu cầu 2 bên.

- Bước 3: Thương thảo và thực hiện ký hợp đồng.

- Bước 4: Chuẩn bị trang thiết bị Máy gặt đập liên hợp theo hợp đồng đã ký.

- Bước 5: Nghiệm thu và đánh giá kết quả.

- Bước 6: Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.

**3. Định mức**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật** | **Ghi chú** |
| **I** | **Định mức lao động trực tiếp**  *(Định mức công của lao động trực tiếp có chuyên môn)* | **Người** | **15** |  |  |
| 1 | Tiếp nhận nhu cầu thuê Máy gặt đập liên hợp  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: Được đào tạo kiến thức vận hành máy gặt đập liên hợp* | Người/  ngày | 1 | Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện. |  |
| 2 | Hướng dẫn đơn vị thuê Máy gặt đập liên hợp khảo sát thực tế và trao đổi yêu cầu 2 bên  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 3 | Thương thảo và thực hiện ký hợp đồng  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 4 | Chuẩn bị trang thiết bị Máy gặt đập liên hợp theo hợp đồng đã ký  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 5 | Nghiệm thu và đánh giá kết quả.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 6 | Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 7 | Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)  *- Số lượng người yêu cầu: 5 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 5 |  |  |
| **II** | **Máy móc, thiết bị** | **Ha** | **1** |  |  |
| 1 | Dầu máy gặt đập liên hợp | Lít/ha | 2,0 – 2,5 |  |  |
| 2 | Nhớt động cơ máy gặt đập liên hợp | Lít/ha | 0,2 – 0,4 |  |  |
| 3 | Râu móc lúa | % | 0,5 - 1 | Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất | Chu kỳ sử dụng 100ha |
| 4 | Đinh tán lá cắt | % | 0,5 - 1 |
| 5 | Lưỡi cắt | % | 0,5 - 1 |
| 6 | Bánh răng chuyển hướng | % | 0,5 - 1 |
| 7 | Lò xo tăng buly | % | 0,5 - 1 |
| 8 | Cụm thuỷ lực | % | 0,5 - 1 |
| 9 | Xích truyền, xích điều hướng | % | 0,5 - 1 |
| **III** | **Định mức tiêu hao** | **Ha** | **1** |  |  |
| 1 | Dầu máy kéo | Lít/ha | 1 – 1,2 | Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất |  |
| 2 | Dầu máy chẹt | Lít/ha | 0,5 – 0,6 |  |
| 3 | Nhớt máy kéo | Lít/ha | 0,05 – 0,1 |  |
| 4 | Nhớt máy chẹt | Lít/ha | 0,05 – 0,1 |  |

**4. Loại máy: Máy gặt đập liên hợp**

**\* Thời gian khấu hao:** 6 năm (Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính).

\* Khấu hao hàng năm:

|  |  |
| --- | --- |
| KH = | NG |
| Nsd |

Trong đó:

KH: mức khấu hao trung bình hằng năm

NG: nguyên giá của máy, thiết bị tại thời điểm hiện tại

Nsd: thời gian sử dụng máy, thiết bị.

**Điều 21. Dịch vụ cho thuê Máy cấy đi bộ - *Mã sản phẩm:* *TVDV17***

**1. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Là dịch vụ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các cá nhân thuê máy cấy đi bộ.

- Nhằm giúp cho đơn vị tăng nguồn thu và sử dụng có hiệu quả tài sản nhà nước giao, góp phần tăng thu nhập cho đội ngũ viên chức của đơn vị

**2. Thành phần công việc**

- Bước 1: Tiếp nhận nhu cầu thuê Máy cấy đi bộ.

- Bước 2: Hướng dẫn đơn vị thuê Máy cấy đi bộ khảo sát thực tế và trao đổi yêu cầu 2 bên.

- Bước 3: Thương thảo và thực hiện ký hợp đồng.

- Bước 4: Chuẩn bị trang thiết bị Máy cấy đi bộ theo hợp đồng đã ký.

- Bước 5: Nghiệm thu và đánh giá kết quả.

- Bước 6: Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.

**3. Định mức**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật** | **Ghi chú** |
| **I** | **Định mức lao động trực tiếp**  *(Định mức công của lao động trực tiếp có chuyên môn)* | **Người** | **15** |  |  |
| 1 | Tiếp nhận nhu cầu thuê Máy cấy đi bộ  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: Được đào tạo kiến thức vận hành máy cấy đi bộ* | Người/  ngày | 1 | Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện. |  |
| 2 | Hướng dẫn đơn vị thuê Máy cấy đi bộ  khảo sát thực tế và trao đổi yêu cầu 2 bên  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 3 | Thương thảo và thực hiện ký hợp đồng  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 4 | Chuẩn bị trang thiết bị Máy cấy đi bộ  theo hợp đồng đã ký  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 5 | Nghiệm thu và đánh giá kết quả.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 6 | Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 7 | Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)  *- Số lượng người yêu cầu: 5 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 5 |  |  |
| **II** | **Định mức tiêu hao** | **Ha** | **1** |  |  |
| 1 | Xăng | Lít/ha | 10 – 13 |  |  |
| 2 | Nhớt động cơ máy | Lít/ha | 0,2 – 0,5 |  |  |
| 3 | Răng lấy mạ | % | 2 – 5 | Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất | Chu kỳ sử dụng 50ha |
| 4 | Hộp số trợ lực | % | 2 – 5 |
| 5 | Xích tải lực | % | 2 – 5 |

**4. Loại máy: Máy cấy đi bộ (có từ 6 hàng trở lên)**

**\* Thời gian khấu hao:** 6 năm (Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính).

|  |  |
| --- | --- |
| KH = | NG |
| Nsd |

\* Khấu hao hàng năm:

Trong đó:

KH: mức khấu hao trung bình hằng năm

NG: nguyên giá của máy, thiết bị tại thời điểm hiện tại

Nsd: thời gian sử dụng máy, thiết bị.

**Điều 22. Dịch vụ cho thuê Máy cuộn rơm - *Mã sản phẩm:* *TVDV18***

**1. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Là dịch vụ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các nhân thuê Máy cuộn rơm.

- Nhằm giúp cho đơn vị tăng nguồn thu và sử dụng có hiệu quả tài sản nhà nước giao, góp phần tăng thu nhập cho đội ngũ viên chức của đơn vị

**2. Thành phần công việc**

- Bước 1: Tiếp nhận nhu cầu thuê Máy cuộn rơm.

- Bước 2: Hướng dẫn đơn vị thuê Máy cuộn rơm khảo sát thực tế và trao đổi yêu cầu 2 bên.

- Bước 3: Thương thảo và thực hiện ký hợp đồng.

- Bước 4: Chuẩn bị trang thiết bị Máy cuộn rơm theo hợp đồng đã ký.

- Bước 5: Nghiệm thu và đánh giá kết quả.

- Bước 6: Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.

**3. Định mức**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật** | **Ghi chú** |
| **I** | **Định mức lao động trực tiếp**  *(Định mức công của lao động trực tiếp có chuyên môn)* | **Người** | **15** |  |  |
| 1 | Tiếp nhận nhu cầu thuê Máy cuộn rơm  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: Được đào tạo kiến thức vận hành máy cuộn rơm* | Người/  ngày | 1 | Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện. |  |
| 2 | Hướng dẫn đơn vị thuê Máy cuộn rơm  khảo sát thực tế và trao đổi yêu cầu 2 bên  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 3 | Thương thảo và thực hiện ký hợp đồng  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 4 | Chuẩn bị trang thiết bị Máy cuộn rơm  theo hợp đồng đã ký  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 5 | Nghiệm thu và đánh giá kết quả.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 6 | Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 7 | Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)  *- Số lượng người yêu cầu: 5 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 5 |  |  |
| **II** | **Định mức tiêu hao** | **Ha** | **1** |  |  |
| 1 | Dầu máy cuộn | Lít/ha | 2 – 2,5 |  |  |
| 2 | Nhớt động cơ máy cuộn | Lít/ha | 0,1 – 0,2 |  |  |
| 3 | Dầu máy chẹt | Lít/ha | 0,5 – 0,7 |  |  |
| 4 | Nhớt máy chẹt | Lít/ha | 0,05 – 0,1 |  |  |
| 5 | Râu móc rơm | % | 0,5 - 1 | Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất | Chu kỳ sử dụng 100ha |
| 6 | Bánh răng chuyển hướng | % | 0,5 - 1 |
| 7 | Lò xo tăng buly | % | 0,5 - 1 |
| 8 | Cụm thuỷ lực | % | 0,5 - 1 |
| 9 | Xích truyền, xích điều hướng | % | 0,5 - 1 |

**4. Loại máy: Máy cuộn rơm**

**\* Thời gian khấu hao:** 6 năm (Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính).

|  |  |
| --- | --- |
| KH = | NG |
| Nsd |

\* Khấu hao hàng năm:

Trong đó:

KH: mức khấu hao trung bình hằng năm.

NG: nguyên giá của máy, thiết bị tại thời điểm hiện tại.

Nsd: thời gian sử dụng máy, thiết bị.

**Điều 23. Dịch vụ cho thuê Máy làm đất - *Mã sản phẩm:* *TVDV19***

**1. Tiêu chuẩn, yêu cầu**

- Là dịch vụ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các nhân thuê Máy máy làm đất.

- Nhằm giúp cho đơn vị tăng nguồn thu và sử dụng có hiệu quả tài sản nhà nước giao, góp phần tăng thu nhập cho đội ngũ viên chức của đơn vị.

**2. Thành phần công việc**

- Bước 1: Tiếp nhận nhu cầu thuê Máy máy làm đất.

- Bước 2: Hướng dẫn đơn vị thuê Máy máy làm đất khảo sát thực tế và trao đổi yêu cầu 2 bên.

- Bước 3: Thương thảo và thực hiện ký hợp đồng.

- Bước 4: Chuẩn bị trang thiết bị Máy máy làm đất theo hợp đồng đã ký.

- Bước 5: Nghiệm thu và đánh giá kết quả.

- Bước 6: Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.

**3. Định mức**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật** | **Ghi chú** |
| **I** | **Định mức lao động trực tiếp**  *(Định mức công của lao động trực tiếp có chuyên môn)* | **Người** | **15** |  |  |
| 1 | Tiếp nhận nhu cầu thuê Máy làm đất  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: Được đào tạo kiến thức vận hành máy làm đất* | Người/  ngày | 1 | Đơn vị thực hiện có chức năng và nhiệm vụ phù hợp, có năng lực tổ chức thực hiện. |  |
| 2 | Hướng dẫn đơn vị thuê Máy làm đất  khảo sát thực tế và trao đổi yêu cầu 2 bên  *- Số lượng người yêu cầu: 01 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 1 |  |
| 3 | Thương thảo và thực hiện ký hợp đồng  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 4 | Chuẩn bị trang thiết bị Máy làm đất  theo hợp đồng đã ký  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 5 | Nghiệm thu và đánh giá kết quả.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 6 | Thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo quy định.  *- Số lượng người yêu cầu: 02 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 2 |  |
| 7 | Định mức lao động gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)  *- Số lượng người yêu cầu: 5 người*  *- Trình độ chuyên môn: đại học trở lên* | Người/ ngày | 5 |  |  |
| **II** | **Định mức tiêu hao** | **Ha** | **1** |  |  |
| 1 | Dầu máy làm đất | Lít/ha | 19 – 22 |  |  |
| 2 | Nhớt máy làm đất | Lít/ha | 0,1 – 0,3 |  |  |
| 3 | Dầu máy chẹt | Lít/ha | 0,5 – 1 |  |  |
| 4 | Nhớt máy chẹt | Lít/ha | 0,05 – 0,1 |  |  |
| 5 | Bộ ly hợp | % | 0,1 – 0,3 | Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất | Chu kỳ sử dụng 100ha |
| 6 | Hộp số | % | 1 – 2 |
| 7 | Cụm thuỷ lực | % | 1 – 2 |
| 8 | Các chi tiết khác | % | 1 – 2 |

**4. Loại máy: Máy làm đất**

\* Thời gian khấu hao: 6 năm (Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính).

|  |  |
| --- | --- |
| KH = | NG |
| Nsd |

\* Khấu hao hàng năm:

Trong đó:

KH: mức khấu hao trung bình hằng năm

NG: nguyên giá của máy, thiết bị tại thời điểm hiện tại

Nsd: thời gian sử dụng máy, thiết bị